

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2021

Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,937,403,927,082</b>	<b>2,679,206,373,784</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5,398,083,667</b>	<b>15,662,317,191</b>
1. Tiền	111		5,398,083,667	15,662,317,191
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>631,630,000,000</b>	<b>291,170,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	631,630,000,000	291,170,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,007,491,432,652</b>	<b>1,074,795,753,258</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	983,690,698,764	1,026,992,595,861
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18,441,590,029	9,449,582,256
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a		32,227,437,018
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	19,962,736,231	20,803,603,004
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(14,603,592,372)	(14,677,464,881)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,252,633,286,089</b>	<b>1,263,768,340,958</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,256,216,327,392	1,267,668,685,214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(3,583,041,303)	(3,900,344,256)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40,251,124,674</b>	<b>33,809,962,377</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	7,627,022,410	6,476,722,915
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32,624,102,264	27,333,239,462
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1,299,151,454,446</b>	<b>1,387,754,449,390</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4,054,230,352</b>	<b>3,395,230,352</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	150,000,000	
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3,904,230,352	3,395,230,352
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>443,748,373,619</b>	<b>469,141,102,301</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	117,085,258,024	149,750,687,237
- Nguyên giá	222		647,594,647,314	652,315,959,488
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(530,509,389,290)	(502,565,272,251)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	82,425,296,714	72,185,838,217
- Nguyên giá	225		102,574,607,046	80,011,702,515
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(20,149,310,332)	(7,825,864,298)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	244,237,818,881	247,204,576,847
- Nguyên giá	228		263,021,971,486	263,142,512,253
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(18,784,152,605)	(15,937,935,406)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>160,367,553,448</b>	<b>100,589,583,221</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	160,367,553,448	100,589,583,221
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>655,739,816,335</b>	<b>781,797,294,892</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	645,000,000,000	645,000,000,000



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	23,240,000,000	23,240,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20,304,000,000	143,904,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2b	(32,804,183,665)	(30,346,705,108)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>35,241,480,692</b>	<b>32,831,238,624</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	35,241,480,692	32,831,238,624
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4,236,555,381,528</b>	<b>4,066,960,823,174</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2,060,622,525,667</b>	<b>1,933,611,363,292</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,031,680,736,253</b>	<b>1,895,139,037,972</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.14	243,485,277,694	400,019,119,182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	41,954,286,433	10,162,999,103
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	13,505,741,419	27,457,219,684
4. Phải trả người lao động	314	V.17	24,500,298,916	22,166,346,472
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	6,194,175,811	6,919,450,589
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		139,321,513	141,845,950
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	168,519,420,919	102,769,530,470
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1,533,035,976,570	1,325,091,289,544
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.21	346,236,978	411,236,978
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28,941,789,414</b>	<b>38,472,325,320</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	28,941,789,414	38,472,325,320
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>V.22</b>	<b>2,175,932,855,861</b>	<b>2,133,349,459,882</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2,175,932,855,861</b>	<b>2,133,349,459,882</b>
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		1,275,396,250,000	1,275,396,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,275,396,250,000	1,275,396,250,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,489,209,100	21,489,209,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,587,629,848)	(27,587,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		906,635,026,609	864,051,630,630
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		736,923,755,630	864,051,630,630
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		169,711,270,979	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4,236,555,381,528</b>	<b>4,066,960,823,174</b>

Người lập biểu



Cao Thị Kim Thơ

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Kim Thoa

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV/2021  
Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2021		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,273,346,610,470	1,160,611,189,054	4,263,488,498,258	4,304,275,209,644
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,424,090,819	6,706,560,056	9,357,648,640	37,930,548,812
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1,271,922,519,651</b>	<b>1,153,904,628,998</b>	<b>4,254,130,849,618</b>	<b>4,266,344,660,832</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,105,667,904,801	1,013,666,306,032	3,863,194,751,906	3,882,774,805,447
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>166,254,614,850</b>	<b>140,238,322,966</b>	<b>390,936,097,712</b>	<b>383,569,855,385</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13,915,055,456	8,204,304,904	164,596,901,067	44,433,501,798
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	44,910,013,948	5,222,951,802	89,445,100,394	83,629,725,952
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		23,991,348,984	14,741,446,065	69,116,476,639	55,577,477,407
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	78,167,026,280	50,720,544,418	252,324,942,538	157,977,274,282
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18,275,886,088	13,968,712,671	35,958,894,999	43,448,356,789
<b>10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]</b>	<b>30</b>		<b>38,816,743,990</b>	<b>78,530,418,979</b>	<b>177,804,060,848</b>	<b>142,948,000,160</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1,828,022,991	1,568,535,838	8,764,709,061	11,629,543,756
12. Chi phí khác	32	VI.9	118,062,000	123,109,803	304,052,279	537,562,255
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1,709,960,991</b>	<b>1,445,426,035</b>	<b>8,460,656,782</b>	<b>11,091,981,501</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>40,526,704,981</b>	<b>79,975,845,014</b>	<b>186,264,717,630</b>	<b>154,039,981,661</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	10,968,702,947	13,842,980,980	16,553,446,651	24,383,149,360
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)</b>	<b>60</b>		<b>29,558,002,034</b>	<b>66,132,864,034</b>	<b>169,711,270,979</b>	<b>129,656,832,301</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



Cao Thị Kim Thơ

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Kim Thoa

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022



**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)  
Quý IV/2021  
(Chưa hợp nhất)

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3,750,874,760,151	3,416,211,961,415
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3,487,163,907,629)	(3,377,738,318,784)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(191,120,102,872)	(198,697,573,125)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(66,475,903,283)	(56,302,329,829)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(30,065,102,988)	(100,185,642,031)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		65,580,740,967	78,752,334,622
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54,185,513,170)	(58,601,673,245)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(12,555,028,824)</b>	<b>(296,561,240,977)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(97,457,250,428)	(61,017,352,811)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19,115,794,546	15,295,600,683
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,061,914,000,000)	(428,670,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		754,640,899,045	826,585,568,982
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(92,240,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		125,440,890,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		147,551,808,917	44,224,506,915
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(112,621,857,920)</b>	<b>304,178,323,769</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3,901,687,771,343	3,094,363,080,423
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,705,530,175,900)	(2,943,133,683,273)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(17,728,754,572)	(13,317,914,582)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62,974,258,450)	(150,431,714,400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>115,454,582,421</b>	<b>(12,520,231,832)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(9,722,304,323)</b>	<b>(4,903,149,040)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>15,662,317,191</b>	<b>20,249,954,515</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(541,929,201)	315,511,716
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5,398,083,667</b>	<b>15,662,317,191</b>

An Giang, ngày 18 Tháng 01 năm 2022

Người lập



Cao Thị Kim Thơ

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Kim Thoa



Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021 (Chưa hợp nhất)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Xây dựng công trình.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%

##### Công ty liên doanh

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất Collagen, Gelatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## ***Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân***

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn Thủy sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

- 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**  
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh***

#### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa, khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### *Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính*

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê tài sản.

## 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

## 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 05 - 16 năm.

## 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	220.617.204	538.054.184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.177.466.463	15.124.263.007
<b>Cộng</b>	<b>5.398.083.667</b>	<b>15.662.317.191</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 599.930.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam và Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam và bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội. (Xem thuyết minh V.20)

### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>645.000.000.000</b>	<b>(18.880.409.195)</b>	<b>645.000.000.000</b>	<b>(10.254.771.876)</b>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương <sup>(i)</sup>	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú <sup>(ii)</sup>	540.000.000.000	(18.813.453.375)	540.000.000.000	(10.234.320.769)
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar <sup>(iii)</sup>	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar <sup>(iv)</sup>	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar <sup>(v)</sup>	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt <sup>(vi)</sup>	5.000.000.000	(66.955.820)	5.000.000.000	(20.451.107)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>23.240.000.000</b>	<b>(183.980.054)</b>	<b>23.240.000.000</b>	<b>(292.321.801)</b>
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt <sup>(vii)</sup>	23.240.000.000	(183.980.054)	23.240.000.000	(292.321.801)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>20.304.000.000</b>	<b>(13.739.794.416)</b>	<b>143.904.000.000</b>	<b>(19.799.611.431)</b>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) <sup>(viii)</sup>	-	-	123.600.000.000	(7.416.000.000)
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.739.794.416)	20.304.000.000	(12.383.611.431)
<b>Cộng</b>	<b>688.544.000.000</b>	<b>(32.804.183.665)</b>	<b>812.144.000.000</b>	<b>(30.346.705.108)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5704000012 đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 30 tháng 08 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602085059 ngày 07 tháng 11 năm 2018 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú 540.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602123547 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 19 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar 54.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125914 ngày 20 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602125939 ngày 22 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602127710 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801666883 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 22 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 23.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (viii) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng số cổ phiếu còn lại của Ngân hàng TMCP Hàng Hải.

## *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## *Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh*

Các Công ty con đang hoạt động bình thường.

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

## *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	30.346.705.108	11.169.517.236
Trích lập dự phòng bổ sung	9.873.478.557	19.177.187.872
Xóa số dự phòng do thanh lý, chuyển nhượng đầu tư	<u>(7.416.000.000)</u>	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>32.804.183.665</u></b>	<b><u>30.346.705.108</u></b>

## *Giao dịch với các công ty con, công ty liên doanh*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên doanh như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương</b>		
Bán thành phẩm, bao bì	524.823.672.220	633.375.217.668
Bán nguyên vật liệu	13.394.930	127.988.214
Bán điện mặt trời	1.789.305.012	-
Chi phí gia công	364.441.672.885	436.857.234.290
Mua vật tư, nguyên liệu	165.317.850.455	189.616.435.775
Thuê tài sản hoạt động	11.580.000.000	11.580.000.000
Lợi nhuận được chia	125.000.000.000	-
Chi hộ	15.454.125	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú</b>			
Bán nguyên liệu	593.681.445		1.497.934.879
Bán thành phẩm	782.674.957.476		797.947.691.876
Chi hộ	-		222.841.097
Lãi cho vay	398.765.193		5.531.411.440
Mua nguyên vật liệu	1.079.466.510.995		697.357.978.563
Thu hộ	-		2.520.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar</b>			
Góp vốn	-		54.000.000.000
Bán nguyên vật liệu	8.470.162		120.267.512
Doanh thu cho thuê	45.500.000		-
Mua hệ thống điện năng lượng mặt trời	-		38.113.815.851
Mua điện	11.632.932.244		2.138.138.078
Mua vật tư, nguyên liệu	408.039.475		23.106.365
<b>Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar</b>			
Góp vốn	-		5.000.000.000
Doanh thu cho thuê	45.500.000		-
Mua điện	74.738.390		10.443.815
Thu hộ	-		5.889.972
<b>Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar</b>			
Góp vốn	-		5.000.000.000
Doanh thu cho thuê	45.500.000		-
Thu hộ	-		6.440.028
<b>Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt</b>			
Góp vốn	-		5.000.000.000
Vay	-		4.500.000.000
Bán nguyên vật liệu	-		17.799.100
<b>Công ty TNHH Amicogen Nam Việt</b>			
Góp vốn	-		23.240.000.000
Vay	-		46.300.000.000
Chi hộ	-		3.000.000
Doanh thu thi công công trình	2.123.375.678		-
Doanh thu cho thuê	46.900.000		-
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>675.372.590.065</b>		<b>730.795.244.181</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-		4.205.100.030
Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú	675.372.590.065		726.590.144.151
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>308.318.108.699</b>		<b>296.197.351.680</b>
Các khách hàng nước ngoài	277.569.382.799		252.797.144.468
Các khách hàng trong nước	30.748.725.900		43.400.207.212
<b>Cộng</b>	<b>983.690.698.764</b>		<b>1.026.992.595.861</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>12.703.810.162</i>	<i>7.073.068.366</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	12.703.810.162	7.073.068.366
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>5.737.779.867</i>	<i>2.376.513.890</i>
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	1.664.053.500	-
Các nhà cung cấp trong nước khác	3.616.035.517	2.376.513.890
Các nhà cung cấp nước ngoài	457.690.850	-
<b>Cộng</b>	<b><u>18.441.590.029</u></b>	<b><u>9.449.582.256</u></b>

**5. Phải thu về cho vay****5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>-</i>	<i>31.727.437.018</i>
Cho Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú vay	-	31.727.437.018
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang mượn (*)	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>32.227.437.018</u></b>

(\*) Số dư nợ phải thu đã thu hồi được trong kỳ.

**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các cá nhân vay	150.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>150.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.696.813.587</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú - Chi hộ	-	-	1.611.134.097	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed - Lãi trả chậm	-	-	85.679.490	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt - ký quỹ	300.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.662.736.231</i>	<i>(480.505.815)</i>	<i>19.106.789.417</i>	<i>(244.996.212)</i>
Tạm ứng	8.736.729.572	(480.505.815)	1.622.116.808	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.257.966.473	-	6.144.538.852	-
Tiền lãi cho vay	710.137	-	244.996.212	(244.996.212)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.780.000	-	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Tiền bán cổ phiếu phải thu	-	-	10.704.400.890	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.634.550.049	-	360.736.655	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.962.736.231</u></b>	<b><u>(480.505.815)</u></b>	<b><u>20.803.603.004</u></b>	<b><u>(244.996.212)</u></b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu tiền bán hàng</b>		<b>29.941.127.082</b>	<b>15.818.040.525</b>		<b>24.043.687.132</b>	<b>10.111.218.463</b>
	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	22.329.400.000	15.630.580.000	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	3.911.452.188	2.738.016.531
	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	191.441.250	95.720.625	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	12.535.589.779	6.267.794.890
	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	305.799.667	91.739.900	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	3.684.690.141	1.105.407.042
	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	7.114.486.165	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	3.911.955.024	-
<b>Phải thu cho vay</b>		-	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	500.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>		-	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	244.996.212	-
<b>Phải thu tạm ứng</b>	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	961.011.630	480.505.815		-	-
<b>Cộng</b>		<b>30.902.138.712</b>	<b>16.298.546.340</b>		<b>24.788.683.344</b>	<b>10.111.218.463</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	14.677.464.881	11.810.039.349
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(73.872.509)	4.439.296.361
Xóa nợ	-	(1.571.870.829)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.603.592.372</b>	<b>14.677.464.881</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	2.890.272.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	169.044.316.404	-	182.666.008.381	-
Công cụ, dụng cụ	4.607.743.063	-	4.660.056.974	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	596.739.831.296	-	402.091.775.380	-
Thành phẩm	424.416.990.535	(3.583.041.303)	659.770.185.932	(3.900.344.256)
Hàng gửi đi bán	61.407.446.094	-	15.590.386.547	-
<b>Cộng</b>	<b>1.256.216.327.392</b>	<b>(3.583.041.303)</b>	<b>1.267.668.685.214</b>	<b>(3.900.344.256)</b>

Hàng tồn kho có trị giá 130.514.428.089 VND (số đầu năm là 143.646.253.679 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.900.344.256	3.913.276.826
Hoàn nhập dự phòng	(317.302.953)	(12.932.570)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.583.041.303</b>	<b>3.900.344.256</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	766.666.665	2.362.500.001
Công cụ, dụng cụ	368.617.518	294.705.060
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.491.738.227	3.819.517.854
<b>Cộng</b>	<b><u>7.627.022.410</u></b>	<b><u>6.476.722.915</u></b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	27.364.652.736	28.279.348.644
Chi phí sửa chữa	3.611.734.908	4.321.399.626
Công cụ, dụng cụ	68.068.369	31.674.243
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.197.024.679	198.816.111
<b>Cộng</b>	<b><u>35.241.480.692</u></b>	<b><u>32.831.238.624</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	181.828.148.785	367.408.143.349	56.339.494.993	7.945.403.259	38.794.769.102	652.315.959.488
Mua trong kỳ	-	28.823.440.412	1.450.429.091	174.795.454	-	30.448.664.957
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.285.371.384	842.553.325	488.311.970	-	-	2.616.236.679
Thanh lý, nhượng bán	-	(33.013.783.696)	(4.644.795.000)	(127.635.114)	-	(37.786.213.810)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>183.113.520.169</u></b>	<b><u>364.060.353.390</u></b>	<b><u>53.633.441.054</u></b>	<b><u>7.992.563.599</u></b>	<b><u>38.794.769.102</u></b>	<b><u>647.594.647.314</u></b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	95.402.940.879	259.367.581.611	18.149.758.900	5.171.812.616	429.214.646	378.521.308.652
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	129.216.882.114	310.785.907.849	35.252.937.059	6.906.315.029	20.403.230.200	502.565.272.251
Khấu hao trong kỳ	9.220.615.048	18.821.433.314	6.291.459.148	625.955.987	4.662.511.858	39.621.975.355
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.122.464.812)	(4.427.758.390)	(127.635.114)	-	(11.677.858.316)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>138.437.497.162</u></b>	<b><u>322.484.876.351</u></b>	<b><u>37.116.637.817</u></b>	<b><u>7.404.635.902</u></b>	<b><u>25.065.742.058</u></b>	<b><u>530.509.389.290</u></b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	52.611.266.671	56.622.235.500	21.086.557.934	1.039.088.230	18.391.538.902	149.750.687.237
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>44.676.023.007</u></b>	<b><u>41.575.477.039</u></b>	<b><u>16.516.803.237</u></b>	<b><u>587.927.697</u></b>	<b><u>13.729.027.044</u></b>	<b><u>117.085.258.024</u></b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	80.011.702.515	7.825.864.298	72.185.838.217
Thuê tài chính trong kỳ	22.562.904.531		
Khấu hao trong kỳ		12.323.446.034	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>102.574.607.046</b>	<b>20.149.310.332</b>	<b>82.425.296.714</b>

## 12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	262.822.266.653	320.245.600	263.142.512.253
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.254.600)	(39.254.600)
Giảm do Nhà nước thu hồi	(81.286.167)	-	(81.286.167)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>262.740.980.486</b>	<b>280.991.000</b>	<b>263.021.971.486</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	643.380.000	280.991.000	924.371.000
---------------------------------------	-------------	-------------	-------------

### Giá trị hao mòn

Số đầu năm	15.617.689.806	320.245.600	15.937.935.406
Khấu hao trong kỳ	2.885.471.799	-	2.885.471.799
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.254.600)	(39.254.600)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.503.161.605</b>	<b>280.991.000</b>	<b>18.784.152.605</b>

### Giá trị còn lại

Số đầu năm	247.204.576.847	-	247.204.576.847
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>244.237.818.881</b>	<b>-</b>	<b>244.237.818.881</b>

*Trong đó:*

Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 103.664.809.048 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

## 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	29.009.063.531	1.393.629.091	(28.669.850.722)	-	1.732.841.900
Xây dựng cơ bản dở dang	71.433.776.490	89.890.658.898	(2.616.236.679)	(488.911.012)	158.219.287.697
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	66.345.593.554	88.859.643.602	-	-	155.205.237.156
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.399.273.067	459.445.739	(243.820.979)	(488.911.012)	2.125.986.815
Nhà máy chế biến thức ăn	1.578.354.816	179.008.215	(1.497.904.499)	-	259.458.532
Các hạng mục khác	1.110.555.053	392.561.342	(874.511.201)	-	628.605.194
Sửa chữa lớn tài sản cố định	146.743.200	874.453.358	-	(605.772.707)	415.423.851
<b>Cộng</b>	<b>100.589.583.221</b>	<b>92.158.741.347</b>	<b>(31.286.087.401)</b>	<b>(1.094.683.719)</b>	<b>160.367.553.448</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><i>71.193.323.249</i></b>	<b><i>173.349.486.878</i></b>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	69.158.669.389	144.101.396.702
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	2.026.894.108	29.241.090.176
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	7.759.752	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-	7.000.000
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b><i>172.291.954.445</i></b>	<b><i>226.669.632.304</i></b>
Các nhà cung cấp trong nước	161.651.847.057	203.568.657.367
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	2.808.254.300	-
Các nhà cung cấp nước ngoài	7.831.853.088	23.100.974.937
<b>Cộng</b>	<b><u>243.485.277.694</u></b>	<b><u>400.019.119.182</u></b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của bên liên quan</i></b>	<b><i>11.056.568.772</i></b>	<b><i>2.515.395.400</i></b>
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	11.056.568.772	2.515.395.400
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b><i>30.897.717.661</i></b>	<b><i>7.647.603.703</i></b>
Các khách hàng trong nước	13.505.126.566	2.585.525.903
Các khách hàng nước ngoài	17.392.591.095	5.062.077.800
<b>Cộng</b>	<b><u>41.954.286.433</u></b>	<b><u>10.162.999.103</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	246.782.387	(246.782.387)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.384.387.450	16.553.446.651	(30.065.102.988)	10.872.731.113
Thuế thu nhập cá nhân	3.071.561.834	5.894.936.370	(6.335.669.658)	2.630.828.546
Thuế tài nguyên	1.270.400	17.412.480	(16.501.120)	2.181.760
Thuê môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>27.457.219.684</u></b>	<b><u>22.716.577.888</u></b>	<b><u>(36.668.056.153)</u></b>	<b><u>13.505.741.419</u></b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu - Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân	Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán tổ chức	Không kê khai, tính thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán cá nhân	5%
- Sản phẩm dịch vụ khác	10%

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ hoạt động này.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	186.264.717.630	154.039.981.661
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	98.630.550.097	76.705.186.118
- Các khoản điều chỉnh giảm	(80.531.612.164)	(81.521.655.213)
Thu nhập chịu thuế (*)	204.363.655.563	149.223.512.566
Thu nhập được miễn thuế	(125.000.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	79.363.655.563	149.223.512.566
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	-	29.620.299.416
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	-	49.430.306.119
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	79.363.655.563	70.172.907.031
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>15.872.731.113</b>	<b>24.411.157.264</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn</b>	<b>-</b>	<b>(13.044.551)</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước</b>	<b>680.715.538</b>	<b>(14.963.354)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>16.553.446.651</b>	<b>24.383.149.360</b>

(\*) Trong đó thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời là 6.567.082.337

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m<sup>3</sup>x8%.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả nhân viên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>6.194.175.811</b>	<b>6.919.450.589</b>
Chi phí lãi vay	1.511.198.317	1.173.330.171
Chi phí cước tàu	1.701.818.000	554.800.000
Chi phí hoa hồng môi giới	2.856.159.494	5.076.320.418
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	125.000.000	115.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.194.175.811</b>	<b>6.919.450.589</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>156.786.578.947</b>	<b>95.898.069.735</b>
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	139.566.578.947	91.767.894.735
Ông Doãn Chí Thanh - Cổ tức phải trả	17.160.000.000	-
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	60.000.000	4.130.175.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>11.732.841.972</b>	<b>6.871.460.735</b>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí công đoàn	3.270.932.937	1.493.565.982
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.241.530.000	1.240.390.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.100.981.099	2.058.519.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.119.397.936	2.078.985.653
<b>Cộng</b>	<b>168.519.420.919</b>	<b>102.769.530.470</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>303.446.473.400</b>	<b>125.872.223.400</b>
Vay Ông Doãn Tới <sup>(a)</sup>	303.446.473.400	46.122.223.400
Vay Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	-	45.750.000.000
Vay Ông Doãn Chí Thanh	-	27.000.000.000
Vay Ông Doãn Chí Thiên	-	7.000.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân</b>	<b>1.229.589.503.170</b>	<b>1.199.219.066.144</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.208.483.819.281	1.169.321.043.180
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	245.088.754.879	522.172.840.451
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	63.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(c)</sup>	125.110.555.090	219.046.300.880
Vay Ngân hàng United Overseas Bank <sup>(d)</sup>	113.396.408.100	89.784.434.869
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội	-	9.754.912.290
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam <sup>(e)</sup>	88.518.988.200	127.227.870.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam <sup>(f)</sup>	456.627.479.650	137.434.684.690
Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam <sup>(g)</sup>	68.295.000.000	-
Vay Ngân hàng TNHH CTBC <sup>(h)</sup>	8.896.822.712	-
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông <sup>(i)</sup>	78.624.432.250	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam <sup>(i)</sup>	23.925.378.400	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.051.000.000	879.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	12.800.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	19.054.683.889	16.219.022.964
<b>Cộng</b>	<b><u>1.533.035.976.570</u></b>	<b><u>1.325.091.289.544</u></b>

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) của Công ty và quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú đang ủy quyền các cá nhân đứng tên.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.12).
- (d) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (j) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.169.321.043.180	3.479.180.678.466	-	(3.440.887.001.700)	869.099.335	1.208.483.819.281
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	46.629.000.000	1.967.000.000	-	(46.545.000.000)	-	2.051.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	92.922.223.400	420.527.250.000	-	(210.003.000.000)	-	303.446.473.400
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	16.219.022.964	1.646.979.936	18.917.435.561	(17.728.754.572)	-	19.054.683.889
<b>Cộng</b>	<b>1.325.091.289.544</b>	<b>3.903.321.908.402</b>	<b>18.917.435.561</b>	<b>(3.715.163.756.272)</b>	<b>869.099.335</b>	<b>1.533.035.976.570</b>

**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b>3.040.000.000</b>	<b>20.702.000.000</b>
Vay Ông Doãn Chí Thanh	-	16.302.000.000
Vay Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt <sup>(i)</sup>	3.040.000.000	4.400.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>25.901.789.414</b>	<b>17.770.325.320</b>
Vay dài hạn các cá nhân <sup>(ii)</sup>	200.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	25.701.789.414	17.770.325.320
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	<b>14.891.200.004</b>	<b>5.781.617.007</b>
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN HCM</i>	<b>6.725.168.047</b>	<b>-</b>
<i>Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị</i>	<b>4.085.421.363</b>	<b>11.988.708.313</b>
<b>Cộng</b>	<b>28.941.789.414</b>	<b>38.472.325.320</b>

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ Nam Việt để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 36 tháng.

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn tổ chức khác	3.040.000.000	-	3.040.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	44.756.473.303	19.054.683.889	25.564.541.111	137.248.303
<b>Cộng</b>	<b>47.996.473.303</b>	<b>19.054.683.889</b>	<b>28.604.541.111</b>	<b>337.248.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn tổ chức khác	4.400.000.000	-	4.400.000.000	-
Vay dài hạn cá nhân	16.302.000.000	-	16.302.000.000	-
Nợ thuê tài chính	33.989.348.284	16.219.022.964	17.770.325.320	-
<b>Cộng</b>	<b>54.691.348.284</b>	<b>16.219.022.964</b>	<b>38.472.325.320</b>	<b>-</b>

Chi tiết số phát sinh về nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Vay dài hạn tổ chức khác	4.400.000.000	-	(1.360.000.000)	-	3.040.000.000
Vay dài hạn cá nhân	16.302.000.000	200.000.000	(16.302.000.000)	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	17.770.325.320	26.848.899.655	-	(18.917.435.561)	25.701.789.414
<b>Cộng</b>	<b>38.472.325.320</b>	<b>27.048.899.655</b>	<b>(17.662.000.000)</b>	<b>(18.917.435.561)</b>	<b>28.941.789.414</b>

**20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	247.605.818	(65.000.000)	182.605.818
<b>Cộng</b>	<b>411.236.978</b>	<b>(65.000.000)</b>	<b>346.236.978</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	121.599.990.000	171.599.990.000
Các cổ đông khác	260.028.760.000	210.028.760.000
<b>Cộng</b>	<b>1.271.278.750.000</b>	<b>1.271.278.750.000</b>

**22c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.539.625	127.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 59/NQ.ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2021 với số tiền 127.127.875.000 VND.

### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 23a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	82.853,33	344.185,53
Euro (EUR)	3.175,44	3.209,28
Dollar Úc (AUD)	5.601,44	61,13

#### 23b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.429.462,13	182.038.120.299	9.429.462,13	182.038.120.299
Khách hàng trong nước		20.833.538.351		20.833.538.351
<b>Cộng</b>		<b>202.871.658.650</b>		<b>202.871.658.650</b>

Nguyên nhân xóa số: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Quý IV-2021	Quý IV-2020
Doanh thu bán thành phẩm	1.263.739.790.886	1.158.868.432.736
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	2.098.478.028	192.254.000
Doanh thu khác	7.508.341.556	1.550.502.318
<b>Cộng</b>	<b>1.273.346.610.470</b>	<b>1.160.611.189.054</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Doanh thu bán nguyên liệu	-	14.307.300
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	2.160.627.750	-
Doanh thu khác	27.007.140	-
<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	56.517.946.480	240.401.601.280
Doanh thu khác	739.377.500	10.155.500

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV-2021	Quý IV-2020
Hàng bán bị trả lại	102.518.000	19.872.000
Giảm giá hàng bán	1.321.572.819	6.686.688.056
<b>Cộng</b>	<b>1.424.090.819</b>	<b>6.706.560.056</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV-2021</u>	<u>Quý IV-2020</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.106.213.594.849	1.013.121.707.120
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	628.564.841	61.808.494
Giá vốn khác	619.164.432	495.722.988
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.793.419.321)	(12.932.570)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.105.667.904.801</u></b>	<b><u>1.013.666.306.032</u></b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV-2021</u>	<u>Quý IV-2020</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	7.606.410.212	5.255.783.579
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.071.988	2.159.506
Lãi tiền cho vay	710.137	799.082.885
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.186.722.864	515.078.339
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	698.690.225
Lãi bán hàng trả chậm	27.057.657	933.510.370
Doanh thu hoạt động tài chính khác	91.082.598	-
<b>Cộng</b>	<b><u>13.915.055.456</u></b>	<b><u>8.204.304.904</u></b>

### 5. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV-2021</u>	<u>Quý IV-2020</u>
Chi phí lãi vay	23.991.348.984	14.741.446.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.628.739.727	588.458.004
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.962.723.715	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	695.599.110
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	17.171.336.545	(10.862.194.559)
Chi phí tài chính khác	155.864.977	59.643.182
<b>Cộng</b>	<b><u>44.910.013.948</u></b>	<b><u>5.222.951.802</u></b>

### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV-2021</u>	<u>Quý IV-2020</u>
Chi phí cho nhân viên	1.923.152.208	1.856.110.796
Chi phí vật liệu, bao bì	13.949.893	17.281.938
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	32.767.044	177.140.731
Chi phí hoa hồng	11.893.032.266	13.479.657.142
Chi phí vận chuyển	54.987.602.219	24.819.238.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.066.839.126	9.510.512.588
Các chi phí khác	249.683.524	860.602.571
<b>Cộng</b>	<b><u>78.167.026.280</u></b>	<b><u>50.720.544.418</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV-2021</u>	<u>Quý IV-2020</u>
Chi phí cho nhân viên	5.708.112.756	5.410.698.110
Chi phí vật liệu quản lý	548.583.090	354.339.006
Chi phí đồ dùng văn phòng	226.462.930	115.049.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	413.723.774	438.377.453
Thuế, phí và lệ phí	782.542.421	930.615.123
Dự phòng phải thu khó đòi	8.273.130.357	4.439.296.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	666.697.404	644.835.011
Các chi phí khác	1.656.633.356	1.635.502.097
<b>Cộng</b>	<b><u>18.275.886.088</u></b>	<b><u>13.968.712.671</u></b>

### 8. Thu nhập khác

	<u>Quý IV-2021</u>	<u>Quý IV-2020</u>
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản	-	22.727.273
Thu từ bồi thường	1.415.508.650	1.321.203.800
Xử lý công nợ tồn lâu	309.876.055	-
Thu nhập khác	102.638.286	224.604.765
<b>Cộng</b>	<b><u>1.828.022.991</u></b>	<b><u>1.568.535.838</u></b>

### 9. Chi phí khác

	<u>Quý IV-2021</u>	<u>Quý IV-2020</u>
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản	79.097.868	-
Chi phí khác	38.964.132	123.109.803
<b>Cộng</b>	<b><u>118.062.000</u></b>	<b><u>123.109.803</u></b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Ông Doãn Tới</b>		
Công ty đi vay	370.627.250.000	21.358.000.000
Công ty chia cổ tức	71.805.000.000	139.110.000.000
Lãi vay	19.875.739.714	-
<b>Ông Doãn Chí Thanh</b>		
Công ty chia cổ tức	17.160.000.000	34.320.000.000
Công ty đi vay	-	43.302.000.000
Lãi vay	959.649.338	106.942.904
Tạm ứng	500.000.000	-
<b>Ông Doãn Chí Thiên</b>		
Công ty chia cổ tức	12.159.999.000	34.319.998.000
Công ty đi vay	40.500.000.000	7.000.000.000
Lãi vay	1.158.627.037	-
<b>Các thành viên chủ chốt</b>		
Tạm ứng	510.000.000	329.700.000

### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.20).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	Công ty con
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Bên liên quan khác

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed

### Mối quan hệ

Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Thuê kho	2.499.640.000	2.139.840.000
Phí sử dụng hạ tầng	139.907.772	141.948.650
Mua nguyên vật liệu	-	61.667.400
<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed</b>		
Lãi bán hàng trả chậm	302.392.970	2.300.498.251
Mua dịch vụ khác	57.272.725	222.449.997
Thu hộ tiền điện	1.303.434	5.575.217

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### Cam kết bảo lãnh

Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Xã Bình Thạnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.12).

Công ty thế chấp tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (xem thuyết minh số V.2).

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.14, V.15 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Quý IV-2021</u>	<u>Quý IV-2020</u>
Xuất khẩu	575.731.945.264	550.785.712.913
Trong nước	696.190.574.387	603.118.916.085
<b>Cộng</b>	<b><u>1.271.922.519.651</u></b>	<b><u>1.153.904.628.998</u></b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

### 2b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá với tỷ trọng doanh thu chiếm đến 99%.

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Cao Thị Kim Thơ  
Người lập biểu

Huỳnh Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh  
Phó Tổng Giám đốc


**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	988.650.548.329	2.257.948.377.581
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	129.656.832.301	129.656.832.301
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(254.255.750.000)	(254.255.750.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>1.275.396.250.000</b>	<b>21.489.209.100</b>	<b>(27.587.629.848)</b>	<b>864.051.630.630</b>	<b>2.133.349.459.882</b>
Số dư đầu năm nay	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	864.051.630.630	2.133.349.459.882
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	169.711.270.979	169.711.270.979
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(127.127.875.000)	(127.127.875.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.275.396.250.000</b>	<b>21.489.209.100</b>	<b>(27.587.629.848)</b>	<b>906.635.026.609</b>	<b>2.175.932.855.861</b>

  
Cao Thị Kim Tho  
Người lập

  
Huỳnh Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

  
An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022  
Phó Tổng Giám đốc

Số: 199 /CV-KTTC

Long Xuyên, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận  
Công ty mẹ quý IV/2021 so với cùng kỳ năm trước"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2021 lãi 29,6 tỷ đồng, giảm 36,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:


- Doanh thu thuần quý IV/2021 đạt 1.272 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận gộp quý IV/2021 tăng 26 tỷ đồng tương đương 18,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Tuy nhiên:
  - + Chi phí lãi vay tăng 9 tỷ (62,7%) so với cùng kỳ năm trước.
  - + Chi phí bán hàng tăng 27 tỷ (54%) so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu là chi phí cước tàu, chi phí vận chuyển tăng nhiều).

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

KT. **TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
*Trần Minh Cảnh*